

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 26-7-2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp tài sản chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Hà Như Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Lê Đình Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh- có mặt.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh- Vắng mặt có đơn xin.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:*

Anh và chị D chung sống từ năm 2019, không có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 16-01-2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh về sống bên nhà vợ tại khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D có quan hệ tình cảm với người khác anh bắt gặp bằng hình ảnh vợ anh chụp hình cùng người đàn ông khác. Nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, gây mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 5-2022 cho đến nay. Sau khi anh bỏ đi vợ chồng không có hòa giải gì với nhau cả. Cha mẹ cũng không có hòa giải cho vợ chồng. Về con chung: vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có số tiền mặt 527.355.000 đồng, đây là tiền anh đi hợp tác lao động ở N gửi về cho vợ, hiện vợ anh đã giao cho anh số tiền 150.000.000 đồng, còn lại vợ đang giữ. Ngoài ra vợ chồng có mua được 02 chiếc xe: 01 xe Shi màu trắng, biển số không nhớ, do chị D đứng tên sở hữu; 01 chiếc xe vision đỏ biển số anh không nhớ, do chị D đứng tên sở hữu. Hai chiếc xe này do chị D đang quản lý sử dụng.

Về nợ chung: không có

Nay anh yêu cầu ly hôn với chị D. Con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Anh yêu cầu chị D chia lại cho anh số tiền 113.677.516 đồng. Anh không yêu cầu tòa án giải quyết đối với 02 chiếc xe Shi 150 và xe vision. Tại phiên tòa anh thay đổi yêu cầu khởi kiện anh chỉ yêu cầu chia đôi số tiền 500.880.000 đồng theo kết quả cung cấp của Ngân hàng.

*Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày trình bày thể hiện trong hồ sơ:*

Chị và anh T chung sống từ năm 2018, không có tổ chức lễ cưới và có có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 16-01-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống bên nhà chị khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ anh T không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Anh T bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2022 đến nay. Sau khi anh T bỏ đi vợ chồng không có hòa giải gì với nhau cả.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị hiện nay cũng không mang thai.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung. Năm 2019 anh T có đi hợp tác lao động tại N và về vào năm 2021. Trong quá trình anh T đi hợp tác lao động anh T có gửi tiền về cho chị nhưng tổng gửi được bao nhiêu tiền chị không nhớ đến khi anh T đòi thì chị đã gom trả lại cho anh T rồi.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ tài sản của ai và cũng không ai nợ tài sản gì của vợ chồng cả.

Nay chị đồng ý yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: không có nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Chị không đồng ý chia cho anh Thông số tiền 113.677.516 đồng và chiếc xe SH trắng vì chiếc xe SH là tài sản riêng của chị, còn tiền thì chị không còn giữ số tiền nào cả. Tất cả tiền khi đi anh T đem đi 01 cây vàng 24k 9999; 60.000.000 đồng tiền lãnh bảo hiểm và số tiền 150.000.000 đồng rồi. Chị không còn giữ tiền gì của vợ chồng cả. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS về thụ lý vụ án, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và các thủ tục tố tụng khác. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Văn T đối với chị Nguyễn Thị D

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn T đối với chị Nguyễn Thị D.

Chia tài sản chung theo quy định của pháp luật số tiền 500.880.000 đồng do chị D quản lý. Anh T đã nhận 150.000.000 đồng. Còn lại 100.440.000 đồng chị D phải có trách nhiệm giao lại cho anh T,

3. Về con chung, nợ chung: không có, không giải quyết.

4. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vụ án là phù hợp với quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh T: Tại đơn khởi kiện anh T yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm: số tiền mặt 527.355.000 đồng; 01 chiếc xe SH150 trắng và 01 chiếc xe Vision đỏ. Sau đó, anh T có đơn thay đổi yêu cầu

khởi kiện, anh không yêu cầu giải quyết đối với 01 chiếc xe SH150 trắng và 01 chiếc xe Vision đỏ. Tại phiên tòa, anh T chỉ yêu cầu chia đôi số tiền mặt là 500.880.000 đồng, phần còn lại anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định của Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị D chung sống từ năm 2019, không có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 16-01-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên nhà chị D tại khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm dẫn đến cãi vã nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Anh T yêu cầu được ly hôn, chị D cũng đồng ý. Từ đây cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị D, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Xét yêu cầu chia số tiền 500.880.000 đồng của anh T nhận thấy: Anh T cho rằng khi anh đi hợp tác lao động tại N đã gửi tiền về cho chị D nhiều lần tổng cộng 527.355.000 đồng, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh bỏ đi chị D có giao cho anh số tiền 150.000.000 đồng, số còn lại chị D đang giữ. Quá trình làm việc chị D thừa nhận anh T có gửi tiền về cho chị nhưng gửi bao nhiêu chị không biết, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh T đã lấy đi hết, hiện chị không còn giữ số tiền nào cả. Theo kết quả xác minh tại Ngân hàng N chi nhánh K, trong khoản thời gian năm 2019 đến năm 2021, chị D đã nhận tiền tổng cộng 17 lần với số tiền 500.880.003 đồng, tại phiên tòa anh Thông đồng ý với số tiền trên và yêu cầu chia đôi số tiền theo kết quả cung cấp của Ngân hàng. Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T. Cụ thể: đối với số tiền 500.880.003 đồng, anh T và chị D mỗi người được hưởng số tiền 250.440.000 đồng, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn chị D đã giao cho anh Thông số tiền 150.000.000 đồng, như vậy chị D còn phải có nghĩa vụ giao cho anh Thông số tiền 100.440.000 đồng. Chị D được hưởng số tiền 250.440.000 đồng chị đang giữ.

Đối với số tiền 51.000.000 đồng tiền lãnh BHXH và 01 cây vàng do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

[7] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; và 12.522.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung. Tổng cộng anh T phải chịu 12.822.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh T đã nộp 5.642.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014929 ngày 17-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Anh T phải nộp thêm số tiền 7.180.000 (bảy triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Chị D phải chịu 12.522.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 59 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Huỳnh Văn T đối với chị Nguyễn Thị D. Anh Huỳnh Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về Tài sản chung:

- Buộc chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Văn Thông số tiền 100.440.000 đồng (một trăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

- Chị Nguyễn Thị D được hưởng số tiền 250.440.000 (hai trăm năm mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng chị đang giữ.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

- Anh Huỳnh Văn T phải chịu 12.822.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh T đã nộp 5.642.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014929 ngày

17-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Anh T phải nộp thêm số tiền 7.180.000 (bảy triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Chị Nguyễn Thị D phải chịu 12.522.000 (mười hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên toà biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Tịnh;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)  
Hà Như Thủy**